



Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Tiêu chuẩn xét báo cáo đề tài lớp DH07DTM (DH07DTM)

Kèm Theo Quyết Định

Ký ngày

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

196

Điểm Trung Bình Tích Lũy

6.00

Lớp DH07DTM

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	DT	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	Xếp loại
1	06130005	HOÀNG VIỆT ANH	DH07DTM		25/07/87	Phú Thọ	01	1400				206	6.32	Trung bình khá
2	07130003	TRẦN NGỌC ANH	DH07DTM	Nữ	17/06/89	Kiên Giang	01	1800				205	6.36	Trung bình khá
3	07130006	VÕ MINH BÌNH	DH07DTM		26/10/89	Đồng Nai	01	1700				205	6.52	Trung bình khá
4	07130011	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	DH07DTM		05/02/89	Đồng Nai	01	1850				205	6.86	Trung bình khá
5	07130013	LÊ HỒNG DANH	DH07DTM		01/04/89	Đồng Tháp	01	2050				205	6.61	Trung bình khá
6	06130118	NGUYỄN TIẾN DŨNG	DH07DTM		02/06/88	Đồng Nai	01	1800				202	6.90	Trung bình khá
7	07130036	TRƯƠNG LỢI HIỆP	DH07DTM		09/09/89	TPHCM	01	1900				205	6.41	Trung bình khá
8	07130040	HOÀNG ANH HÒA	DH07DTM		12/09/89	Hà Bắc	01	1650				205	6.69	Trung bình khá
9	07130044	TRẦN VĂN HOÀNG	DH07DTM		19/11/89	Tây Ninh	01	1650				205	6.88	Trung bình khá
10	07130055	HỒ QUANG KHÁNH	DH07DTM		15/08/89	Bến Tre	01	1750				205	6.30	Trung bình khá
11	07130073	NGUYỄN THỊ THÚY LỮ	DH07DTM	Nữ	12/10/88	Bình Phước	01	2050	06			205	6.95	Trung bình khá
12	07130080	PHẠM VĂN NAM	DH07DTM		02/01/88	Gia Lai	01	1500	06			205	6.82	Trung bình khá
13	07130089	TẠ TẤN PHÁP	DH07DTM		24/02/89	Quảng Ngãi	01	2000				205	6.96	Trung bình khá
14	06130061	NGUYỄN DUY PHÚ	DH07DTM		02/07/88	Tiền Giang	01	1450				206	6.04	Trung bình khá
15	07130107	HUỲNH NHẤT SINH	DH07DTM		20/02/89	Quảng Ngãi	01	1750				206	6.15	Trung bình khá
16	07130110	TRỊNH NHỰT TÀI	DH07DTM		24/07/89	Bến Tre	01	1850				205	6.52	Trung bình khá
17	07130117	CHÂU THANH THẮNG	DH07DTM		20/10/88	Dak Lak	01	1750				205	7.01	Khá
18	07130120	ĐỖ PHƯỚC THỊNH	DH07DTM		18/09/89		01	1650				205	6.56	Trung bình khá
19	07130122	NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY	DH07DTM	Nữ	28/06/89	Đồng Tháp	01	2300				205	7.59	Khá
20	07130127	NGUYỄN NGỌC TIỀN	DH07DTM		26/05/89		01	1650				205	6.46	Trung bình khá

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Lớp DH07DTM

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	DT	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	Xếp loại
21	07130128	NGUYỄN NHẬT TIẾN	DH07DTM		03/08/87	Bình Định	01	2000				205	6.26	Trung bình khá
22	07130129	TÔ THỊ THÙY TRANG	DH07DTM	Nữ	19/09/89	Đồng Tháp	01	1700				205	7.24	Khá
23	07130136	ĐOÀN BẢO TRUNG	DH07DTM		01/12/89	Tiền Giang	01	1600				205	7.85	Khá
24	07130138	NGUYỄN VĂN TÚ	DH07DTM		15/10/87	Hải Dương	01	1650				205	6.28	Trung bình khá
25	07130142	LÊ NHẬT TÙNG	DH07DTM		11/07/89	Trà Vinh	01	1750				205	7.85	Khá

In Ngày 05/08/11

TP.HCM, Ngày 05 tháng 08 năm 2011
Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Tiêu chuẩn xét báo cáo đề tài lớp DH07DTM (DH07DTM)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

196
6.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	DTK
1	07130001	TRẦN VĂN AN	DH07DTM	199	6.25	914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
2	07130012	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH07DTM	144	4.89	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	2 V
						914246	Lập trình mạng 1	5		091	V 4
						914247	Lập trình mạng 2	4		101	V V
						914248	Mạng máy tính nâng cao	4		102	3 V
						914249	Quản trị mạng	4		101	V V
						914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
						914259	Giao tiếp người-Máy	5		101	V V
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4		102	0 V
						914344	Cấu trúc dữ liệu 1	5		082	V 4
						914345	Cấu trúc dữ liệu 2	3		091	2 1
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	2 V
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống	3		101	V V
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	2 3
							Nhóm bắt buộc tự chọn		6		
3	07130014	TRẦN HOÀN DIỆU	DH07DTM	201	6.07	914249	Quản trị mạng	4		101	2 4
4	07130022	NGUYỄN CÔNG ĐẮC	DH07DTM	122	4.44	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	V V
						902201	Thí nghiệm Lý	1		072	4
						914244	Mạng máy tính	4		082	3 2
						914246	Lập trình mạng 1	5		091	0 1
						914247	Lập trình mạng 2	4		101	V V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						914248	Mạng máy tính nâng cao	4			
						914249	Quản trị mạng	4		101	V V
						914250	Đồ án chuyên ngành	3			
						914259	Giao tiếp người-Máy	5		101	V V
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4			
						914343	Lập trình B	5		082	4 4
						914344	Cấu trúc dữ liệu 1	5		082	V 3
						914345	Cấu trúc dữ liệu 2	3		091	3 3
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	3 3
						914361	Đồ họa máy tính	4		092	1 4
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống	3		101	V V
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	2 4
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		5		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		6		
5	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	DH07DTM	185	5.74	914248	Mạng máy tính nâng cao	4		102	2 V
						914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4		102	V 1
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	3 4.0
6	07130031	NGUYỄN HỮU HẬU	DH07DTM	192	6.41	914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	2 3
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	3.0
7	07130033	TRƯƠNG PHÚC HẬU	DH07DTM	198	6.39	914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
8	07130042	NGUYỄN MẠNH HOÀN	DH07DTM	189	5.98	914249	Quản trị mạng	4		101	4 2
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	4 4

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống Nhóm bắt buộc tự chọn	3	6	101	V 4
9	06130140	LÊ VIẾT HOÀNG	DH07DTM	206	5.70						
10	07130056	LÊ QUANG KHÁNH	DH07DTM	189	5.68	914249	Quản trị mạng	4		101	2 1
						914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	3 4
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	3 V
11	07130057	PHAN TRỌNG KHIÊM	DH07DTM	193	6.10	914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	V 4.0
12	07130062	TRẦN HUY LAM	DH07DTM	199	6.58	900201	Quân sự 1 (Lý thuyết)	3		072	
						900202	Quân sự 2 (thực hành)	3		072	
13	06130157	VÕ CÔNG LỰC	DH07DTM	187	5.94	914249	Quản trị mạng	4		101	V 0
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4		102	0 1
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	3 4.0
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	3 4.0
14	07130079	LÊ VĂN NAM	DH07DTM	198	6.08	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	4 2
15	07130090	TRẦN KHẮC PHI	DH07DTM	75	3.76	900104	Lịch sử Đảng CSVN	4		091	V V
						900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3			
						902110	Toán cao cấp A3	5		072	4 3.0
						902201	Thí nghiệm Lý	1		072	4 V
						902204	Vật lý đại cương A2	3		072	3 1
						914244	Mạng máy tính	4		082	3 3
						914245	Cấu trúc máy tính	4		081	2 2
						914246	Lập trình mạng 1	5		091	V V
						914247	Lập trình mạng 2	4			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						914248	Mạng máy tính nâng cao	4			
						914249	Quản trị mạng	4			
						914250	Đồ án chuyên ngành	3			
						914256	Lập trình Web	5			
						914258	Toán rời rạc 2	4		091	V
						914259	Giao tiếp người-Máy	5			
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4			
						914342	Lập trình A2	5		081	2 V
						914343	Lập trình B	5		082	3 3
						914344	Cấu trúc dữ liệu 1	5		082	4 2
						914345	Cấu trúc dữ liệu 2	3		091	V V
						914346	Phương pháp số	4			
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	V V
						914361	Đồ họa máy tính	4			
						914445	Cơ sở dữ liệu	5		082	3 2
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống	3			
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5			
						914454	Trí tuệ nhân tạo	5			
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		4		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		5		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		6		
16	07130093	ĐINH VINH	PHÚC	DH07DTM	193	6.37	914250	Đồ án chuyên ngành	3		102 0
							914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092 4 4.0
17	07130094	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	DH07DTM	188	5.81	914249	Quản trị mạng	4		101 3 1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						914250	Đồ án chuyên ngành	3		102	0
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	2 3
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	3 3.0
18	07130119	NGUYỄN VĂN THẾ	DH07DTM	125	4.40	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	V V
						900201	Quân sự 1 (Lý thuyết)	3			
						900202	Quân sự 2 (thực hành)	3			
						902605	Kinh tế học đại cương	3		081	1 3
						914246	Lập trình mạng 1	5		091	0 3
						914247	Lập trình mạng 2	4		101	V V
						914248	Mạng máy tính nâng cao	4			
						914249	Quản trị mạng	4		101	V V
						914250	Đồ án chuyên ngành	3			
						914256	Lập trình Web	5		092	V V
						914259	Giao tiếp người-Máy	5		101	V V
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4			
						914344	Cấu trúc dữ liệu 1	5		082	V 4
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	2 V
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống	3		101	V V
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	V
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		5		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		6		
19	06130079	NGUYỄN KIM TÍN	DH07DTM	138	4.66	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	V V
						902201	Thí nghiệm Lý	1		062	3
						902204	Vật lý đại cương A2	3		062	2 3

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						914246	Lập trình mạng 1	5		091	V 3.0
						914247	Lập trình mạng 2	4		101	V V
						914248	Mạng máy tính nâng cao	4			
						914249	Quản trị mạng	4		101	V V
						914250	Đồ án chuyên ngành	3			
						914259	Giao tiếp người-Máy	5		101	V V
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4			
						914345	Cấu trúc dữ liệu 2	3		091	V V
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	V V
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống	3		101	V V
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	V 3.0
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		5		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		6		
20	07130132	THÂN MINH TRIẾT	DH07DTM	143	4.99	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	V V
						914246	Lập trình mạng 1	5		091	V 3.0
						914247	Lập trình mạng 2	4		101	V V
						914248	Mạng máy tính nâng cao	4			
						914249	Quản trị mạng	4		101	V V
						914250	Đồ án chuyên ngành	3			
						914256	Lập trình Web	5		092	4 4
						914259	Giao tiếp người-Máy	5		101	V V
						914261	Chuyên đề lập trình WEB	4			
						914354	Thiết kế hướng đối tượng	5		091	4 3.0
						914447	An toàn và bảo mật hệ thống	3		101	V V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						914449	Phân tích & thiết kế hệ thống	5		092	3 V
							Nhóm bắt buộc tự chọn		3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn		6		
21	07130140	NGUYỄN MINH TUẤN	DH07DTM	198	6.44	900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		101	3 2

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 3 TC (Min)

214101 Tin học đại cương	3
914101 Nhập môn tin học A	5
914356 Nhập môn tin học DT	5

Nhóm TC 2: 5 TC (Min)

900106 Triết học Mác-Lênin	5
900109 Triết học Mác Lê Nin	6

Nhóm TC 3: 3 TC (Min)

914254 Bảo mật mạng & hệ thống	3
914265 Bảo mật mạng và hệ thống	4

Nhóm TC 4: 3 TC (Min)

914257 Hệ điều hành 1-m	4
914263 Hệ điều hành 1	3

Nhóm TC 5: 3 TC (Min)

914243 Hệ điều hành 2	3
914264 Hệ điều hành 2	4

Nhóm TC 6: 4 TC (Min)

914351 Công nghệ phần mềm	5
914364 Công nghệ phần mềm	4

In Ngày 05/08/11

TP.HCM, Ngày 05 tháng 08 năm 2011
Người lập biểu